CTCP Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam

FireAnt

Ngày 31/03/2024	11,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-6.7%	-10.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,000 - 18,030
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	512
Số lượng CPLH (CP)	45,745,876
KLGD BQ 20 phiên (CP)	285
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.00)
EPS	157
P/E	71.4

DT thuần
Q1/24
429
tỷ VNĐ
QoQ: ▼214| -33.3%
YoY: ▼57.0| -11.7%

LN trước thuế
Q1/24
2.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.4| -90.8%
YoY: ▼1.12| -32.1%

LN sau thuế
Q1/24
0.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▼27.3| -96.9%
YoY: ▲ 0.71| 447%

ROA
2023
0.6%
+/- YoY: ▼ 2.5%

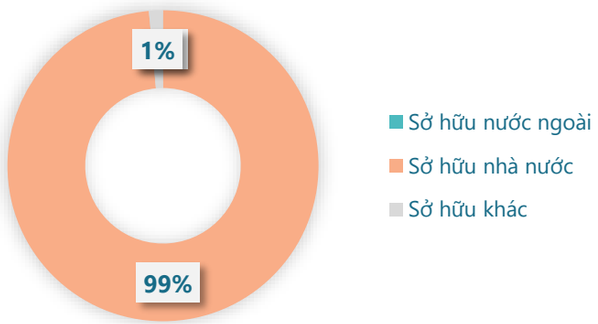
DT thuần
2023
2,170
tỷ VNĐ
YoY: ▼231| -9.6%

LN trước thuế
2023
13.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼69.6| -84.1%

LN sau thuế
2023
9.69
tỷ VNĐ
YoY: ▼51.6| -84.2%

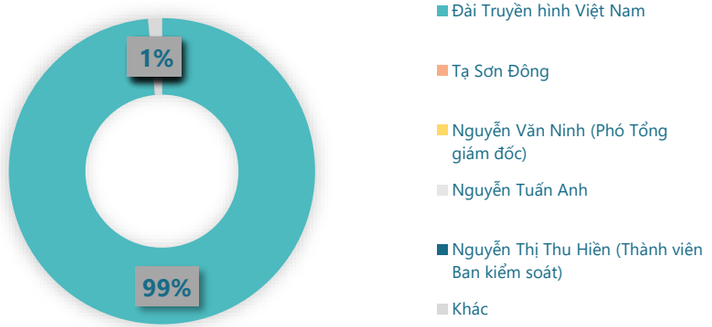
ROE
2023
1.9%
+/- YoY: ▼ 7.3%

Cơ cấu sở hữu



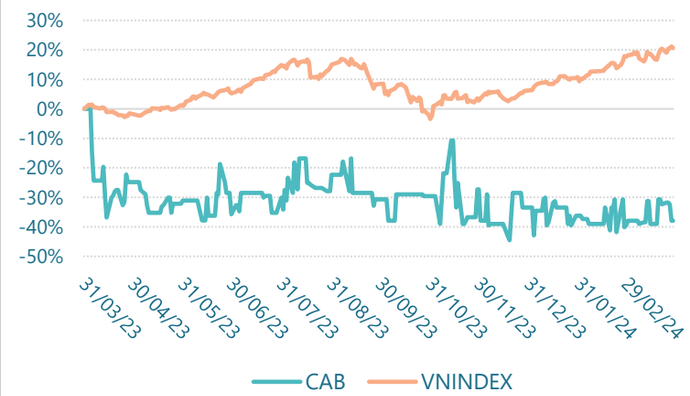
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

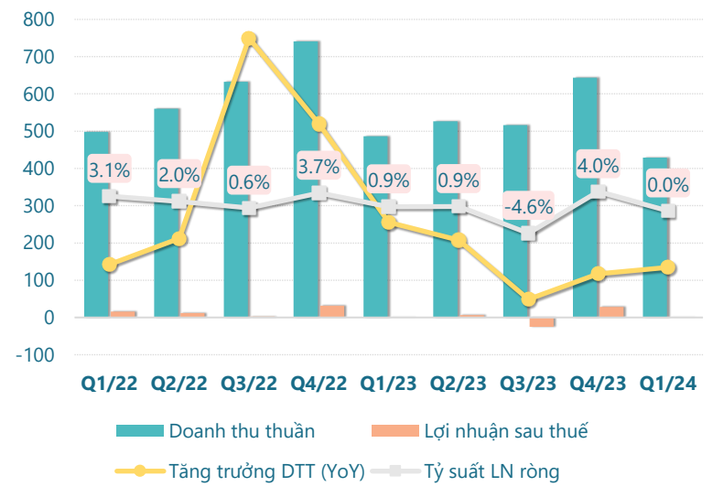
Tỷ suất lợi nhuận



CTCP Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam

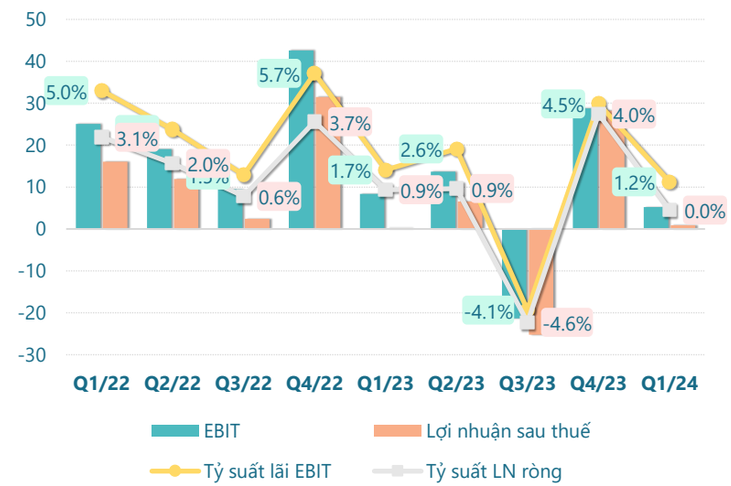
FireAnt

Kết quả kinh doanh



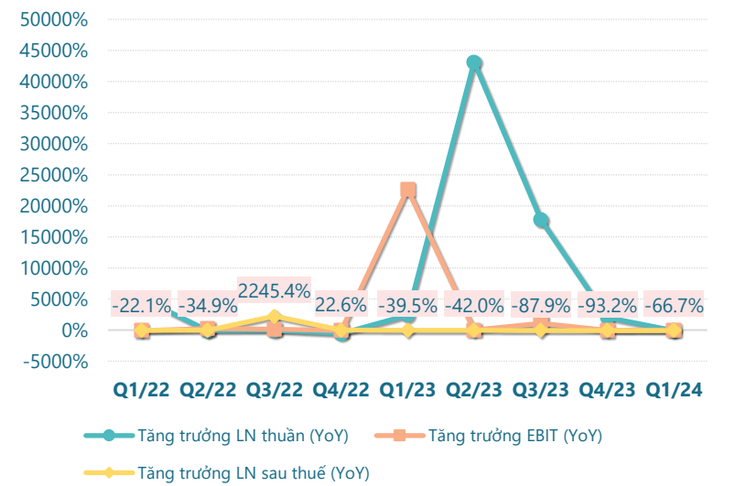
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



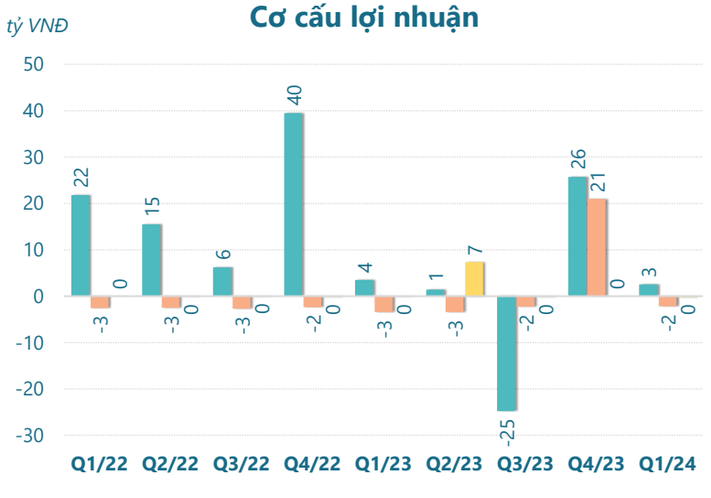
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



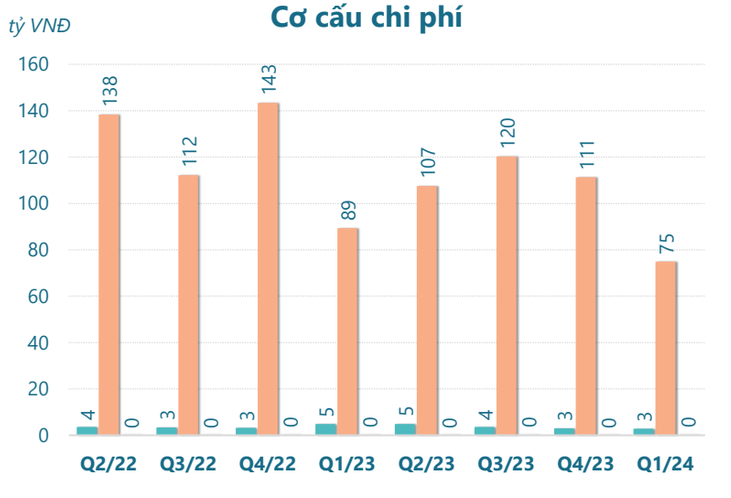
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



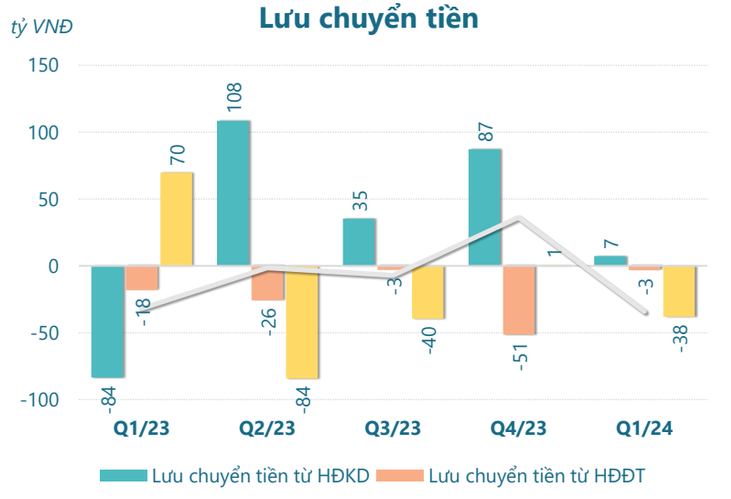
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

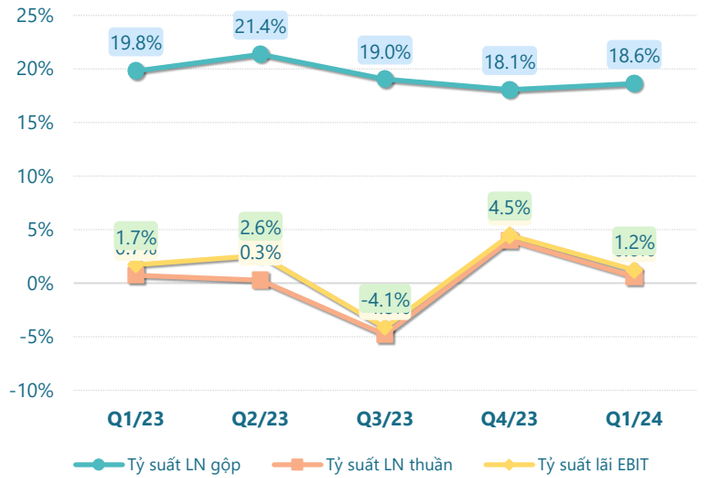


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam

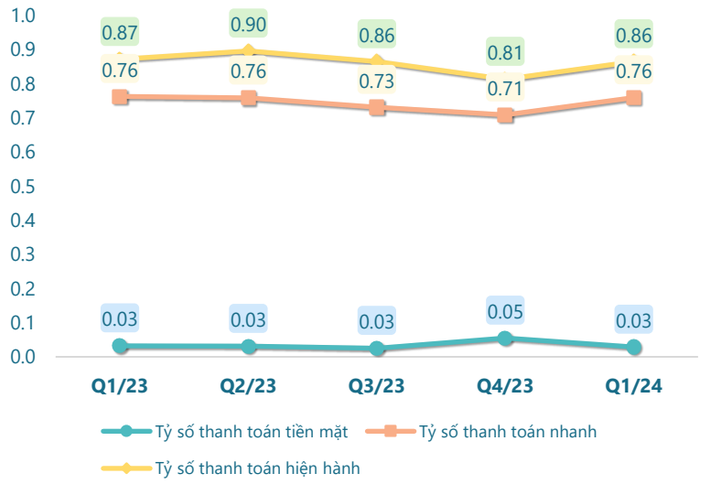
FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận



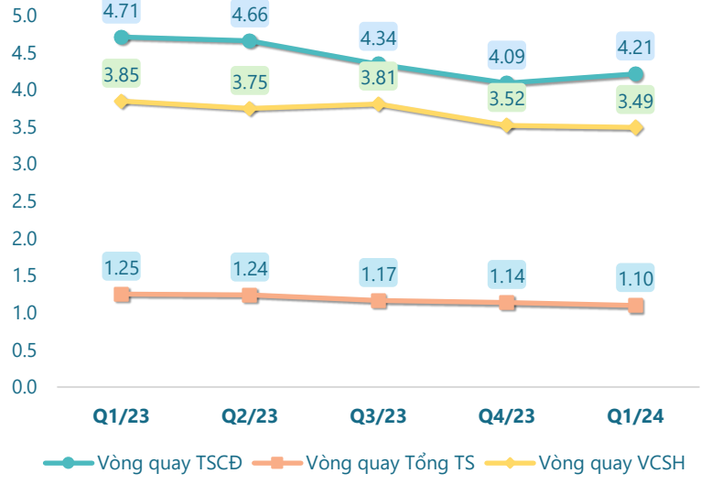
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



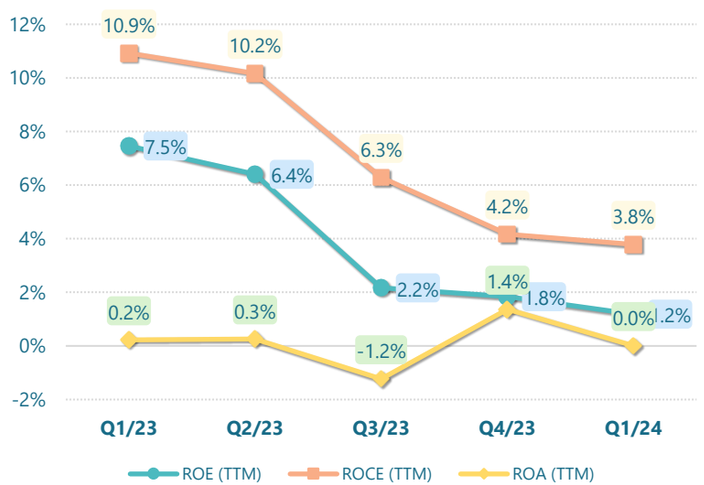
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



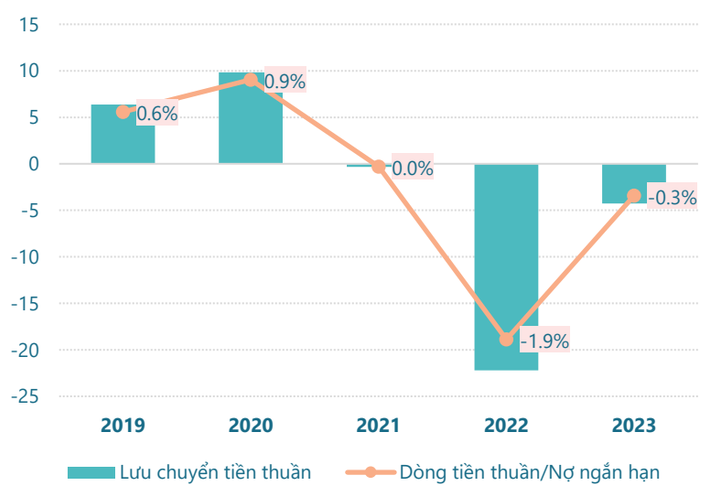
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



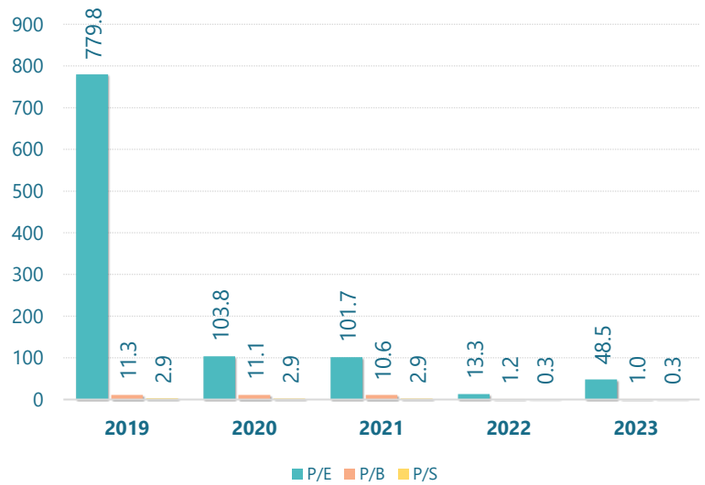
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)